

# Một số lưu ý khi lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp

NHỮ THỊ HỒNG\*

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BCLCTT) là báo cáo tài chính (BCTC) tổng hợp, phản ánh việc hình thành và sử dụng dòng tiền trong kỳ của doanh nghiệp, giúp các nhà đầu tư dự đoán được khả năng tạo ra các luồng tiền dương trong tương lai, cũng như khả năng thực hiện được các nghĩa vụ, trả cổ tức hay nhu cầu về nguồn tài trợ bên ngoài... Tuy nhiên, trong số các BCTC, thì BCLCTT vẫn được đánh giá là một trong những báo cáo khó lập và dễ bị sai sót. Vậy cần lưu ý gì trong quá trình lập BCTC này? Bài viết sau đây sẽ làm rõ hơn một số lưu ý khi phân loại luồng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong BCLCTT và cách lập BCLCTT theo phương pháp trực tiếp.**

## KHÁI QUÁT VỀ BCLCTT

BCLCTT là một trong bốn BCTC bắt buộc các doanh nghiệp phải lập. Nó cung cấp thông tin về các khoản thu và chi tiền của doanh nghiệp trong một kỳ. Trong đó, tiền ở đây được định nghĩa bao gồm cả tiền và các khoản tương đương tiền. Cụ thể:

- Tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (cụ thể là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua) và có tính thanh khoản cao.

Như vậy, BCLCTT sẽ thể hiện luồng tiền chính là dòng vào và dòng ra của tiền và tương đương tiền, không bao gồm các khoản dịch chuyển nội bộ của tiền và tương đương tiền trong kỳ. Và, để phục vụ cho việc phân tích và đánh giá về dòng tiền một cách tốt nhất, thì luồng tiền trong BCLCTT được phân loại thành luồng tiền của 3 mảng hoạt động của doanh nghiệp như sau:

- *Hoạt động kinh doanh*: Là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp và các hoạt động khác không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính. Phần này cung cấp thông tin để đánh giá khả năng tạo ra tiền từ các hoạt động kinh doanh để duy trì hoạt động, trang trải nợ và tiến hành đầu tư mới của doanh nghiệp mà không cần đến các nguồn tài chính từ bên ngoài. Chẳng hạn như tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, tiền chi trả nhà cung cấp, tiền chi trả lương cho nhân viên, tiền chi trả lãi vay...

- *Hoạt động đầu tư*: Là các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác không thuộc các khoản tương đương tiền. Chẳng hạn như: tiền chi mua tài sản cố định, chi mua các khoản đầu tư tài chính như mua cổ phiếu, mua trái phiếu... Tuy nhiên, tiền chi mua hay thu hồi được gốc hoặc lãi từ chứng khoán kinh doanh, thì không được phản ánh vào luồng tiền từ hoạt động đầu tư, mà phản ánh ở luồng tiền từ hoạt động kinh doanh.

- *Hoạt động tài chính*: Là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp. Chẳng hạn tiền chi ra để hoàn trả vốn gốc của các khoản vay mượn, trả cổ tức cho các cổ đông, mua cổ phiếu quỹ...

Việc phân loại và báo cáo các luồng tiền theo các hoạt động như trên sẽ cung cấp thông tin cho người sử dụng báo cáo đánh giá được ảnh hưởng của các hoạt động đó đối với tình hình tài chính, lượng tiền và các khoản tương đương tiền tạo ra trong kỳ của doanh nghiệp. Thông tin này cũng được dùng để đánh giá các mối quan hệ giữa các hoạt động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong việc trình bày và phân loại tiền và tương đương tiền, cũng

\* ThS., Khoa Kế toán - Kiểm toán, Học viện Ngân hàng

**BẢNG 1: NỘI DUNG, CÁCH LẬP VÀ MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BCLCTT THEO LUỒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

như luồng tiền, doanh nghiệp cũng cần chú ý một số điểm sau:

(i) Doanh nghiệp phải phân loại các hoạt động trên phù hợp nhất với đặc điểm hoạt động kinh doanh của mình.

(ii) Các luồng tiền phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính sau đây được báo cáo trên cơ sở thuần:

- Thu tiền và chi trả tiền hộ khách hàng như tiền thuê thu hộ, chi hộ và trả lại cho chủ sở hữu tài sản;

- Thu tiền và chi tiền đối với các khoản có vòng quay nhanh, thời gian đáo hạn ngắn, như: Mua, bán ngoại tệ; Mua, bán các khoản đầu tư; Các khoản đi vay hoặc cho vay ngắn hạn khác có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng.

(iii) Các luồng tiền phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ phải được quy đổi ra đồng tiền chính thức sử dụng trong ghi sổ kế toán và lập BCTC theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm phát sinh giao dịch.

(iv) Các giao dịch về đầu tư và tài chính không trực tiếp sử dụng tiền hay các khoản tương đương tiền không được trình bày trong BCLCTT. Ví dụ: Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính; Việc mua một doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu; Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.

Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp đi vay để thanh toán thẳng cho nhà thầu, người cung cấp hàng hoá, dịch vụ (tiền vay được chuyển thẳng từ bên cho vay sang nhà thầu, người cung cấp, mà không chuyển qua tài khoản của doanh nghiệp), thì doanh nghiệp vẫn phải trình bày trên BCLCTT, cụ thể:

- Số tiền đi vay được trình bày là luồng tiền vào của hoạt động tài chính;

- Số tiền trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc trả cho nhà thầu được trình bày là luồng tiền ra từ hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động đầu tư tùy thuộc vào từng giao dịch.

(v) Các khoản mục tiền và tương đương tiền đầu kỳ và cuối kỳ, ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ hiện có cuối kỳ phải được trình bày thành các chỉ tiêu riêng biệt trên BCLCTT để đối chiếu số liệu với các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán.

(vi) Doanh nghiệp phải trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương

Chỉ tiêu	Nội dung, cách lập và một số lưu ý
1. Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>Nội dung:</b> Tổng số tiền đã thu (tổng giá thanh toán) trong kỳ do bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ, tiền bản quyền, phí, hoa hồng và các khoản đầu tư khác (như bán chứng khoán kinh doanh). <b>Số liệu:</b> Sổ kế toán các TK 111, 112. Đối ứng với các TK: 511, 131, 333 (VAT), 515, 121... <b>Lưu ý:</b> Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), bất động sản đầu tư (BĐSDT), tiền thu hồi các khoản cho vay, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản tiền thu khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư; Các khoản tiền thu được do đi vay, nhận vốn góp của chủ sở hữu được phân loại là luồng tiền từ hoạt động tài chính.
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	<b>Nội dung:</b> Tổng số tiền đã trả trong kỳ do mua hàng hóa, dịch vụ, thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. <b>Số liệu:</b> Đối chiếu TK 111, 112 với các TK: 331, 15, 621, 627, 641, 642... <b>Lưu ý:</b> Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, xây dựng cơ bản (XDCB) (kể cả chi mua nguyên vật liệu (NVL) để sử dụng cho XDCB), tiền chi cho vay, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác và các khoản tiền chi khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư; Các khoản tiền chi trả nợ gốc vay, trả lại vốn góp cho chủ sở hữu, cổ tức và lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu được phân loại là luồng tiền từ hoạt động tài chính.
3. Tiền chi trả cho người lao động	- Số tiền đã trả cho người lao động trong kỳ về tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền thưởng... (đã thanh toán hoặc tạm ứng). - Đối chiếu với sổ kế toán TK 334 (chi tiết số đã trả bằng tiền) trong kỳ báo cáo.
4. Tiền chi trả tiền lãi vay	- Số tiền lãi vay đã trả trong kỳ báo cáo - Đối chiếu với sổ kế toán TK 335, 635, 242... <b>Lưu ý:</b> Chỉ tiêu này không bao gồm số tiền lãi vay đã trả trong kỳ được vốn hóa vào giá trị các tài sản dở dang được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư. Trường hợp số lãi vay đã trả trong kỳ vừa được vốn hóa, vừa được tính vào chi phí tài chính, thì kế toán căn cứ tỷ lệ vốn hóa lãi vay áp dụng cho kỳ báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay" để xác định số lãi vay đã trả của luồng tiền từ hoạt động kinh doanh và luồng tiền hoạt động đầu tư.
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	Số tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cho Nhà nước trong kỳ báo cáo. Đối chiếu với TK 3334.
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	- Số tiền đã thu từ các khoản khác từ hoạt động kinh doanh, ngoài khoản tiền thu từ khách hàng (chỉ tiêu 1): + Tiền thu từ khoản thu nhập khác (tiền thu về được bồi thường, được phạt, tiền thưởng và các khoản tiền thu khác...); + Tiền đã thu do được hoàn thuế; + Tiền thu được do nhận ký quỹ, ký cược; + Tiền thu hồi các khoản đưa đi ký cược, ký quỹ; + Tiền thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án (nếu có); + Tiền được các tổ chức, cá nhân bên ngoài thưởng, hỗ trợ; + Tiền nhận được ghi tặng các quỹ do cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp... - Đối chiếu với các TK: 711, 133, 141, 244...
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	+ Tiền chi bồi thường, bị phạt và các khoản chi phí khác; + Tiền nộp các loại thuế (không bao gồm thuế TNDN); Tiền nộp các loại phí, lệ phí, tiền thuê đất; + Tiền nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn; + Tiền chi đưa đi ký cược, ký quỹ; Tiền trả lại các khoản nhận ký cược, ký quỹ, tiền chi trực tiếp bằng nguồn dự phòng phải trả; + Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu; Tiền chi trực tiếp từ nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí dự án... + Đối chiếu với các TK: 811, 161, 244, 333, 338, 344, 352, 353, 356

Nguồn: Nghiên cứu và tổng hợp của tác giả

**BẢNG 2: NỘI DUNG, CÁCH LẬP VÀ MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BCLCTT THEO LUỒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Chỉ tiêu	Nội dung, cách lập và một số lưu ý
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	<p><b>Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số tiền đã thực chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, tiền chi cho giai đoạn triển khai đã được vốn hoá thành TSCĐ vô hình, tiền chi cho hoạt động đầu tư XDCB, đầu tư bất động sản trong kỳ báo cáo.</li> <li>Số tiền đã thực trả để mua nguyên vật liệu, tài sản, sử dụng cho XDCB, nhưng đến cuối kỳ chưa xuất dùng cho hoạt động đầu tư XDCB; Số tiền đã ứng trước cho nhà thầu XDCB, nhưng chưa nghiệm thu khối lượng;</li> <li>Số tiền đã trả để trả nợ người bán trong kỳ liên quan trực tiếp tới việc mua sắm, đầu tư XDCB.</li> </ul> <p><b>Số liệu:</b> Đối chiếu với các TK 211, 213, 217, 241 trong kỳ báo cáo.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Trường hợp mua NVL, tài sản sử dụng chung cho cả mục đích sản xuất, kinh doanh và đầu tư XDCB, nhưng cuối kỳ chưa xác định được giá trị NVL, tài sản sẽ sử dụng cho hoạt động đầu tư XDCB hay hoạt động sản xuất, kinh doanh, thì số tiền đã trả không phản ánh vào chỉ tiêu này, mà phản ánh ở luồng tiền từ hoạt động kinh doanh. Chỉ tiêu này cũng không bao gồm số nhận nợ thuê tài chính, giá trị tài sản phi tiền tệ khác dùng để thanh toán khi mua sắm TSCĐ, BĐSĐT, XDCB hoặc giá trị TSCĐ, BĐSĐT, XDCB tăng trong kỳ, nhưng chưa được trả bằng tiền.</p>
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	<p><b>Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số tiền thuần đã thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và bất động sản đầu tư trong kỳ báo cáo,</li> <li>Số tiền thu hồi các khoản nợ phải thu liên quan trực tiếp tới việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác.</li> </ul> <p><b>Số liệu:</b> Chênh lệch giữa số tiền thu và số tiền chi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số tiền thu: Đối chiếu với các TK 711, 5117, 131 (chi tiết tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác).</li> <li>Số tiền chi: Đối chiếu với các TK 632, 811, 331 (chi tiết chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT).</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> không bao gồm số thu bằng tài sản phi tiền tệ; các khoản chi phí phi tiền tệ liên quan đến hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT do đem đi góp vốn liên doanh, liên kết hoặc các khoản tồn thất.</p>
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	<p><b>Nội dung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Số tiền đã gửi vào ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tiền đã chi cho bên khác vay, tiền chi của bên mua trong giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ và REPO chứng khoán, chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác (trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả...) vì mục đích đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.</li> </ul> <p><b>Số liệu:</b> Đối chiếu với sổ kế toán TK 128, 171</p> <p><b>Lưu ý:</b> Không bao gồm các khoản: (1) Tiền chi mua các công cụ nợ được coi là các khoản tương đương tiền; (2) Tiền mua các công cụ nợ nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kiếm lời từ chênh lệch giá mua, bán); (3) Các khoản cho vay, mua các công cụ nợ đã trả bằng tài sản phi tiền tệ hoặc đảo nợ.</p>
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	Ngược lại với mục 3
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<p><b>Nội dung:</b> Số tiền đã chi để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (mua cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết, mua cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu, góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết...).</p> <p><b>Số liệu:</b> Đối chiếu với các TK 221, 222, 2281, 331</p> <p><b>Lưu ý:</b> Không bao gồm: (1) Tiền chi mua cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh; (2) Chi mua cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả; (3) Đầu tư vào đơn vị khác bằng tài sản phi tiền tệ; đầu tư dưới hình thức phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu; Chuyển công cụ nợ thành vốn góp hoặc còn nợ chưa thanh toán.</p>
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Ngược lại với chỉ tiêu 5 (thay 331 thành 131).
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	<p><b>Nội dung:</b> Số tiền thu về các khoản tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận nhận được từ đầu tư vốn.</p> <p><b>Số liệu:</b> Đối chiếu với sổ kế toán TK 515.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Không bao gồm các khoản lãi, cổ tức nhận được bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản phi tiền tệ.</p>

Nguồn: Nghiên cứu và tổng hợp của tác giả

đương tiền có số dư cuối kỳ lớn do doanh nghiệp nắm giữ, nhưng không được sử dụng, do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác, mà doanh nghiệp phải thực hiện.

(vii) Trường hợp doanh nghiệp phát sinh khoản thanh toán bù trừ với cùng một đối tượng, việc trình bày BCLCTT được thực hiện theo nguyên tắc:

- Nếu việc thanh toán bù trừ liên quan đến các giao dịch được phân loại trong cùng một luồng tiền, thì được trình bày trên cơ sở thuần (ví dụ trong giao dịch hàng đổi hàng không tương tự...);

- Nếu việc thanh toán bù trừ liên quan đến các giao dịch được phân loại trong các luồng tiền khác nhau, thì doanh nghiệp không được trình bày trên cơ sở thuần mà phải trình bày riêng rẽ giá trị của từng giao dịch (Ví dụ: bù trừ tiền bán hàng phải thu với khoản đi vay hay trao đổi không tương tự hàng tồn kho lấy tài sản cố định...).

(viii) Đối với luồng tiền từ giao dịch mua, bán lại trái phiếu chính phủ và các giao dịch REPO chứng khoán: Bên bán trình bày là luồng tiền từ hoạt động tài chính; Bên mua trình bày là luồng tiền từ hoạt động đầu tư.

### MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BCLCTT THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

Việc lập BCLCTT được thực hiện các bước như sau:

- Xác định dòng tiền được tạo ra hay sử dụng cho các hoạt động kinh doanh;

- Xác định dòng tiền được tạo ra hay sử dụng cho các hoạt động tài chính và đầu tư;

- Xác định các thay đổi về tiền mặt trong kỳ;

- Cân đối khoản thay đổi trên với số dư tiền mặt đầu kỳ và cuối kỳ.

Trong đó, riêng lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh được lập theo 2 phương pháp là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp.

Theo phương pháp trực tiếp, các luồng tiền vào và luồng tiền ra từ hoạt động kinh doanh được xác định và trình bày trong BCLCTT bằng cách phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản tiền thu vào và chi ra theo từng nội dung thu, chi từ các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết của doanh nghiệp.

Phương pháp lập các chỉ tiêu theo phương pháp trực tiếp cụ thể như sau:

**BẢNG 3: NỘI DUNG, CÁCH LẬP VÀ MỘT SỐ LƯU Ý KHI LẬP BCLCTT THEO LUỒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Nội dung và cách lập và một số lưu ý
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	<b>Nội dung:</b> Số tiền đã thu do các chủ sở hữu của doanh nghiệp góp vốn; gồm cả tiền phát hành cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu và phần quyền chọn của trái phiếu chuyển đổi <b>Số liệu:</b> Đối chiếu với sổ kế toán TK 411. <b>Lưu ý:</b> Không bao gồm: Các khoản vay và nợ được chuyển thành vốn, khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển thành vốn góp (trả cổ tức bằng cổ phiếu); Nhận vốn góp của chủ sở hữu bằng tài sản phi tiền tệ; Phát hành cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả.
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	<b>Nội dung:</b> Số tiền đã trả do hoàn lại vốn góp cho các chủ sở hữu hoặc mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành bằng tiền (để huỷ bỏ hoặc sử dụng làm cổ phiếu quỹ) trong kỳ báo cáo. <b>Số liệu:</b> Đối chiếu với sổ kế toán các TK 411, 419. <b>Lưu ý:</b> Không bao gồm: Khoản trả lại cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả; Trả lại vốn góp của chủ sở hữu bằng tài sản phi tiền tệ; Hoặc sử dụng vốn góp để bù lỗ kinh doanh.
3. Tiền thu từ đi vay	- <b>Nội dung:</b> Số tiền đã nhận được trong kỳ do doanh nghiệp đi vay (gồm cả phát hành trái phiếu thông thường hoặc trái phiếu chuyển đổi hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả); số tiền bên bán nhận được trong giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ và các giao dịch Repo chứng khoán khác. - <b>Số liệu:</b> Đối chiếu với TK 171, 3411, 3431, 3432, 41112 - <b>Lưu ý:</b> Không gồm vay bằng tài sản phi tiền tệ; nợ thuê tài chính.
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	- <b>Nội dung:</b> Số tiền đã trả về khoản nợ gốc vay, gồm cả trả nợ gốc trái phiếu thông thường, trái phiếu chuyển đổi hoặc cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả; số tiền bên bán đã trả lại cho bên mua trong giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và các giao dịch Repo chứng khoán khác. - <b>Số liệu:</b> Đối chiếu với TK 171, 3411, 3431, 3432, 41112. - <b>Lưu ý:</b> Không bao gồm trả gốc vay bằng tài sản phi tiền tệ hoặc chuyển nợ vay thành vốn góp.
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	- <b>Nội dung:</b> Số tiền đã trả về khoản nợ thuê tài chính. - <b>Số liệu:</b> Sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 3412 trong kỳ báo cáo - <b>Lưu ý:</b> Chỉ tiêu không bao gồm khoản trả nợ thuê tài chính bằng tài sản phi tiền tệ hoặc chuyển nợ thuê tài chính thành vốn góp.
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	- <b>Nội dung:</b> Số tiền cổ tức và lợi nhuận đã trả cho các chủ sở hữu của doanh nghiệp (kể cả số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thay cho chủ sở hữu). - <b>Số liệu:</b> Đối chiếu với sổ kế toán các TK 421, 338 - <b>Lưu ý:</b> Không bao gồm: Lợi nhuận được chuyển thành vốn góp của chủ sở hữu; Trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc trả bằng tài sản phi tiền tệ; Các khoản lợi nhuận đã dùng để trích lập các quỹ.

Nguồn: Nghiên cứu và tổng hợp của tác giả

### **Luồng tiền từ hoạt động kinh doanh:**

Nội dung, cách lập và một số lưu ý khi lập BCLCTT theo luồng tiền từ hoạt động kinh doanh như Bảng 1.

**Luồng tiền từ hoạt động đầu tư:** Nội dung, cách lập và một số lưu ý khi lập BCLCTT theo luồng tiền từ hoạt động đầu tư như Bảng 2.

**Luồng tiền từ hoạt động tài chính:** Nội dung, cách lập và một số lưu ý khi lập BCLCTT theo luồng tiền từ hoạt động tài chính như Bảng 3.

### **KẾT LUẬN**

BCLCTT là một trong những BCTC khó lập nhất, nhiều sai sót nhất. Do đó, để có thể lập chính xác báo cáo này, các doanh nghiệp cần hiểu rõ và phân loại đúng các dòng tiền tạo ra từ các hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Trong quá trình lập BCLCTT, doanh nghiệp cần có sự bóc tách và phân tích chi tiết các loại hoạt động và giao dịch kinh tế phát sinh tại đơn vị mình, thì việc lập BCLCTT mới ít sai sót và phản ánh thông tin trung thực hơn. □

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 200/2014/TT-BTC*, ngày 22/12/2014 hướng dẫn *Chế độ kế toán doanh nghiệp*
2. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 202/2014/TT-BTC*, ngày 22/12/2014 hướng dẫn *phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất*
3. Bộ Tài chính (2002). *Chuẩn mực VAS 24 - BCLCTT*, ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC, ngày 31/12/2002